

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình.
2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 2X, phường P, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 10, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên không tổ chức cưới hỏi, về chung sống cùng nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Tài, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vào năm 1996. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại tổ dân phố 2X, phường P, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 1X, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

Quá trình chung sống hai vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần ông T nhậu về là lại chửi bới đánh đập bà, nhưng vì các con

nên bà đã bỏ qua nhưng ông T vẫn không thay đổi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên trước đây bà đã nhiều lần viết đơn ly hôn, trong đó có 01 lần nộp đơn đến Tòa án (khoảng năm 2016, do bà đi làm thuê ở xa sau đó không về để giải quyết được), 02 lần viết đơn nhưng không tới Tòa án nộp đơn. Từ tháng 6/2025 cho đến nay bà và ông T đã không còn sống chung, vì lo sợ bị ông T hành hung nên bà đã ra thuê trọ để sinh sống, bà và ông T không gặp gỡ nhau, không ai quan tâm đến ai, mối quan hệ hôn nhân rạn nứt không thể hàn gắn. Nay do mâu thuẫn kéo dài, bà không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thạch H, sinh ngày 28/10/1993 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 08/01/2003 các con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, đã lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên không tổ chức cưới hỏi, về chung sống cùng nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vào năm 1996. Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2024 thì vợ chồng có xảy ra to tiếng, cãi vã lý do mâu thuẫn là về những vấn đề trong gia đình và kinh tế. Thời gian khoảng từ đầu năm 2025 đến nay thì vợ chồng hay cãi vã to tiếng hơn do ông đi làm áp lực, tuy nhiên đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất hàng ngày, không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Ông đã năn nỉ và xin bà L tha lỗi, bỏ qua và đề nghị bà L về nhà chung sống, nhưng bà L không đồng ý và vẫn nộp đơn tại Tòa án. Nay bà L khởi kiện ly hôn ông thì ông không đồng ý ly hôn với bà L, những mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, ông đã khắc phục sửa chữa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thạch H, sinh ngày 28/10/1993 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 08/01/2003 các con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn ở phường P, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 07/10/1996, nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là do: Quá trình chung sống hai vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần ông T nhậu về là lại chửi và đánh đập bà. Bà đã nhiều lần làm đơn ly hôn với ông T nhưng do ông T hứa sẽ thay đổi và vì các con nên bà đã bỏ qua. Từ tháng 6/2025 cho đến nay bà và ông T đã không còn sống chung, vì lo sợ bị ông T hành hung nên bà đã ra thuê trọ sinh sống.

Ông T không đồng ý ly hôn với bà L vì cho rằng quá trình chung sống ông và bà L vẫn bình thường. Vợ chồng có hay to tiếng, cãi vã là do ông bị áp lực công việc, tuy nhiên ông T cho rằng đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày, không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã to tiếng sự việc diễn ra trong một thời gian dài làm cho bà L không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc ông T. Hai ông bà không còn sống chung cùng nhau từ tháng 6/2025 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thạch H và Nguyễn Thị Ngọc H1. Các con đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000249 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số: 29, ngày 07/10/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu

